



THUYẾT MINH DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY SỬA ĐỔI

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần CMVIETNAM (“Công Ty”) trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/04/2021 thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty gồm các nội dung sau đây. Trong đó các điều khoản dưới đây được sửa đổi, bổ sung theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)

Stt	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (<i>Phân chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh bổ sung</i>)	Lý do
1	Giải thích từ ngữ	a. "Vốn điều lệ" doanh nghiệp b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010 d. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; e. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	a. "Vốn điều lệ" công ty b. " Luật doanh nghiệp " là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ; c. " Luật chứng khoán " là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 ; d. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán; e. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;	Thay đổi diễn giải và áp dụng luật mới theo quy định nhà nước Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020
2	Tên, hình thức, trụ sở....	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ trụ sở chính: Ô 60, khu A ĐGQSD đất khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội 5. 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 52, Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông.	Chuyển đổi trụ sở chính theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ/CMVN
3	Cổ phiếu, Sổ đăng ký cổ đông	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 2. khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp. 4. chi phí liên quan cho Công ty.	Điều 7. Cổ phiếu, Sổ đăng ký cổ đông 2. khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp. 4. chi phí liên quan cho Công ty. Trong đề nghị của cá nhân, tổ chức phải đảm bảo các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. 5. Công ty lập và lưu giữ sổ cổ đông theo các quy định tại Điều 122, Luật doanh nghiệp.	Nêu rõ các quy định về đề nghị của cá nhân, tổ chức khi yêu cầu công ty cấp lại sổ đăng ký cổ đông và bổ sung quy định việc công ty phải lập và lưu giữ sổ cổ đông. Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020

4	Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 3. Khi có yêu cầu về việc thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông do có phát sinh giao dịch giữa các cổ đông, Công ty sẽ đăng ký thay đổi cổ đông trong vòng 24h kể từ thời điểm có văn bản hoặc thư điện tử yêu cầu.	Bổ sung quy định về thời hạn công ty phải cấp thay đổi sổ cổ đông cho người sở hữu cổ phần. Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020
5	Thu hồi cổ phần	4. khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp.	4. khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp.	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020
6	Quyền của cổ đông	i. Điều 129 Luật doanh nghiệp; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này; b. Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp; d. Yêu cầu Tiểu ban kiểm toán..... địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;	i. Điều 132 Luật doanh nghiệp; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty; b. Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp; d. Yêu cầu Ủy Ban Kiểm Toán địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [10]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;	Bổ sung quy định quyền nhóm cổ đông sở hữu 5% tổng số cổ phần trong việc xem xét trích lục các nội dung của tài liệu ĐHCĐ và bổ quy định về nhóm sở hữu này được quyền đề cử thành viên HĐQT. Thay đổi tên tiểu ban trực thuộc HĐQT và các diễn giải về "giấy tờ pháp lý" của cá nhân tổ chức. Bổ sung quy định về việc được quyền đề cử thành viên HĐQT đối với nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần. Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020
7	Nghĩa vụ của cổ đông		6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán	

			<p>hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	
8	Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.....</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. [Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ];</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a.khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b.khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của tiểu Ban kiểm toán nội bộ;</p>	<p>1. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b.khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của công ty;</p> <p>d) Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán;</p> <p>đ) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>e) Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính;</p> <p>g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;</p>	<p>Nêu rõ quy định về việc ĐHĐCĐ thường niên phải được tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Gắn liền quy định V/v có thể gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ</p> <p>Gắn liền quy định việc HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường với quy định của pháp luật. Bộ nội dung [Báo cáo tài chính.....] do quy định này thuộc nội dung [xét thấy vì lợi ích Công ty]</p> <p>Bổ sung các vấn đề thảo luận và thông qua của ĐHĐCĐ thường niên phù hợp với quyền hạn và trách nhiệm của ĐHĐCĐ</p> <p>Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ theo quy định luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020</p>

		<p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p>	
9	Cổ phần ưu đãi	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất [65%] cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất [65%] quyền biểu quyết của</p>		Nội dung này được hủy bỏ do mô hình hoạt động thực tế của Công ty không có cổ phần ưu đãi

		<p>loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>		
10	<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>		<p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số</p>	<p>Cập nhật bổ sung theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020</p>

			<p>lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>		
11	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đôngchậm nhất [mười (10) ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm..... chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....</p> <p>5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	luật số
12	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	luật số



13	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập..... 7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn.....tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập..... 7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội.....khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	luật số
14	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, khoản 3..... có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu..... 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị..... 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp. d. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 50% 3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	luật số
15	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	c. Họ, tên, địa chỉ thường trú , quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;..... hoặc số quyết định thành lập,....., địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; g. người đại diện theo pháp luật của Công ty. e. Các vấn đề đã được thông qua; f. người đại diện theo pháp luật của Công ty , người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản [51%]	c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc , quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; hoặc số giấy tờ pháp lý, , địa chỉ liên lạc , quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trên 50%	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	luật số
16	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông		Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	luật số
17	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên.....mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp	1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên,..... hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.....		

		2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng từ [5%] đến dưới [10%]	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng.....từ [10%] đến dưới [30%]		
18	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	6. Điều 151 Luật Doanh nghiệp. 7.Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	6. Điều 155 Luật Doanh nghiệp. 7. Điều 160 Luật Doanh nghiệp	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	
19	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	m. Thông qua hợp đồng Điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp. c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp	m. Thông qua hợp Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	
20	Cuộc họp của Hội đồng quản trị		16. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điều 30, Điều lệ này.	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	
21	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.		Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	
22	Tiểu ban Kiểm toán	Điều 31 (a). Cơ cấu tổ chức Tiểu ban Kiểm toán Phần lớn thành viên của Tiểu Ban Kiểm Toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Các nội dung cụ thể liên quan đến cơ cấu tổ chức của Tiểu Ban Kiểm Toán sẽ được quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty Điều 31 (b). Thành viên ban kiểm toán nội bộ 1. Số lượng thành viên của tiểu ban là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. 2. Trưởng các tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. 3. Ít nhất (01) thành viên của Tiểu ban Kiểm toán phải có bằng cấp, chứng chỉ hoặc kinh nghiệm liên		Hủy bỏ thêm nội dung này Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	

		<p>quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.</p> <p>Điều 31 (c). Quyền hạn và trách nhiệm của Tiểu ban kiểm toán</p> <p>a. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu Ban Kiểm Toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;</p> <p>b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó.</p> <p>c. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 28 và Điều 29 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị ra quyết định xử lý;</p> <p>d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>		
--	--	--	--	--

		<p>hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ này;</p> <p>f. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>g. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty.</p> <p>h. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty: thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty.</p> <p>i. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều Lệ này, Quy Chế Quản Trị Công Ty, và quy định Pháp Luật.</p> <p>j. Tiểu Ban Kiểm Toán được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>k. Tổng Giám đốc và Người Điều Hành Doanh Nghiệp Khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Tiểu Ban Kiểm Toán.</p>		
23	Ủy ban kiểm toán		<p>Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị Ủy ban kiểm toán có ba (02) thành viên, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p>	Bổ sung thêm nội dung này Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020

			<p>Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;</p> <p>2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;</p> <p>3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;</p> <p>5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;</p> <p>6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;</p> <p>7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.</p>		
24	Ban kiểm soát	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên [Nội dung này được bãi bỏ có chủ đích]</p> <p>Điều 37. Kiểm soát viên [Nội dung này được bãi bỏ có chủ đích]</p> <p>Điều 38. Ban kiểm soát [Nội dung này được bãi bỏ có chủ đích]</p>	Hủy bỏ nội dung này trong điều lệ mới	Cập nhật theo mô hình hoạt động thực tế của Công ty	
25	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị..... tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị..... tại Điều 162 của Luật Doanh Nghiệp không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị..... tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị,..... tại Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020	luật số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020

26	Điều kiện giải thể doanh nghiệp	<p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p>	<p>b. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; 2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. 3. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; b) Lý do giải thể; c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.</p>	<p>Hủy bỏ nội dung gia hạn thời gian hoạt động và Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020</p>
27	Gia hạn thời gian hoạt động của Công ty	<p>Điều 53. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>		<p>Hủy bỏ nội dung căn cứ Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020</p>
28	Thanh lý	<p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị Công ty trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản công ty. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành</p>	<p>Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020</p>

		<p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p>	<p>viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ. 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty, người đại diện theo pháp luật của Công ty phải gửi hồ sơ giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>		
29	Phá sản		<p>Việc phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p>	<p>Cập nhật theo bộ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020</p>	
30	Điều lệ công ty	<p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p>	<p>1. tại các cuộc họp trực tiếp hoặc thông qua phương thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Bổ sung hình thức phê duyệt của ĐHĐCĐ có thể thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p>	
31	Ngày hiệu lực	<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều có hiệu lực kể từ ngày 14/06/2019.</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 56 điều có hiệu lực kể từ ngày 29/04/2021.</p>	<p>Thay đổi theo dự thảo điều lệ mới và ngày trình ĐHĐCĐ thông qua</p>	